

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 2,900 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 7.4% | 11.5% | -6.5% |

| | |
|-----------------------|---------------|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 2,200 - 4,200 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 71 |
| Số lượng CPLH (CP) | 24,632,809 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 342,550 |
| Sở hữu nước ngoài | 4.1% |
| Beta | 1.82 |
| EPS | 144 |
| P/E | 20.1 |

DT thuần

Q1/24

7.77

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.3| -81.1%

YoY: ▲ 5.52| 245%

LN trước thuế

Q1/24

0.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.44| -64.2%

YoY: ▲ 0.43| 117%

LN sau thuế

Q1/24

0.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.44| -64.2%

YoY: ▲ 0.43| 117%

ROA

2023

2.3%

+/- YoY: ▲ 56.7%

DT thuần

2023

51.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.0| 213%

LN trước thuế

2023

3.26

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 113| 103%

LN sau thuế

2023

3.26

tỷ VNĐ

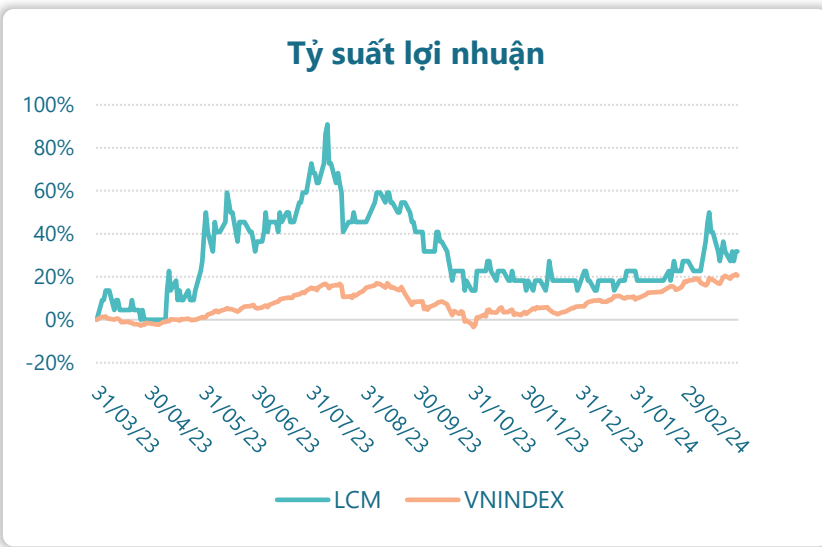
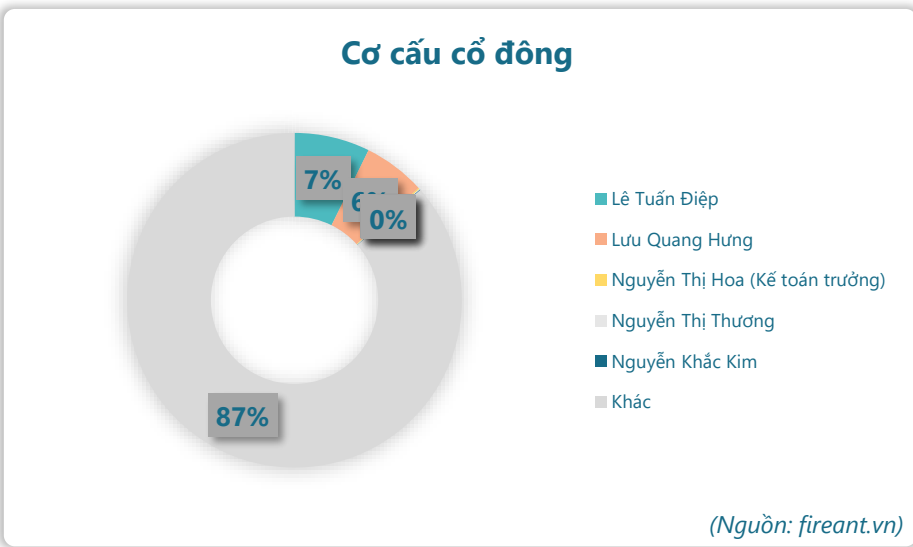
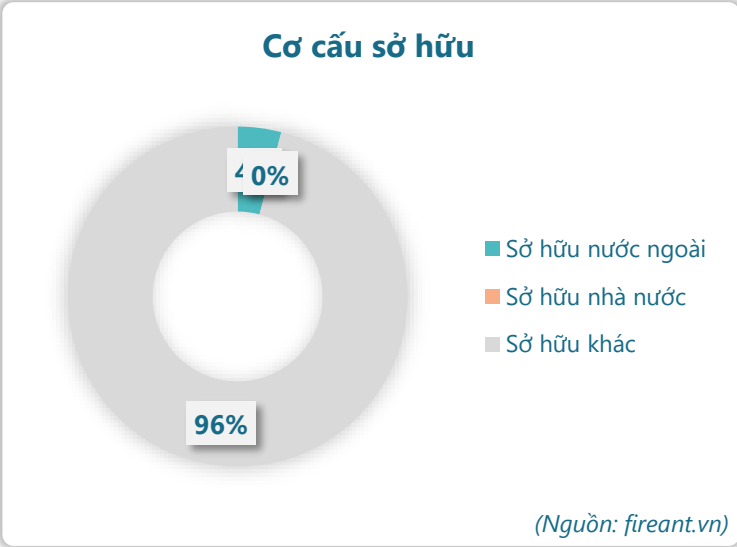
YoY: ▲ 113| 103%

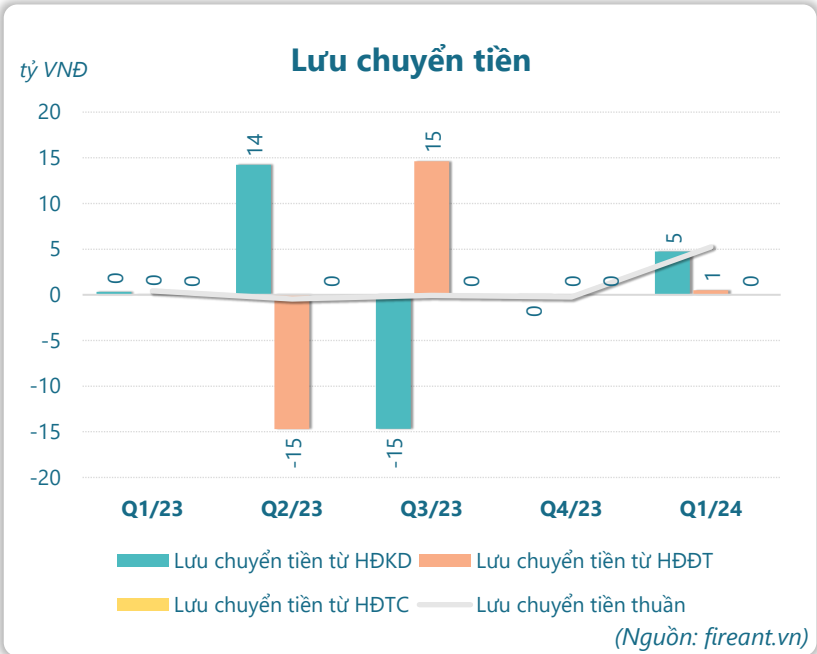
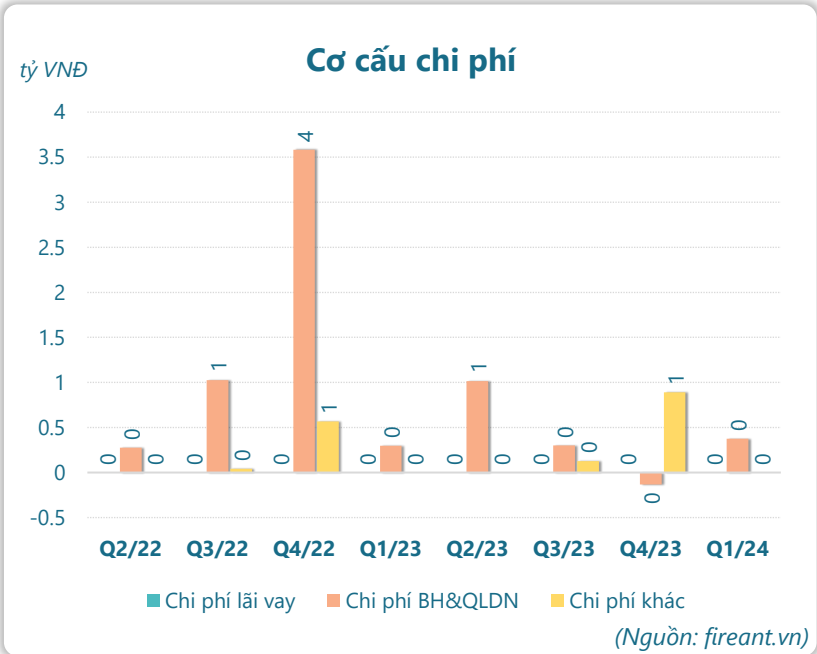
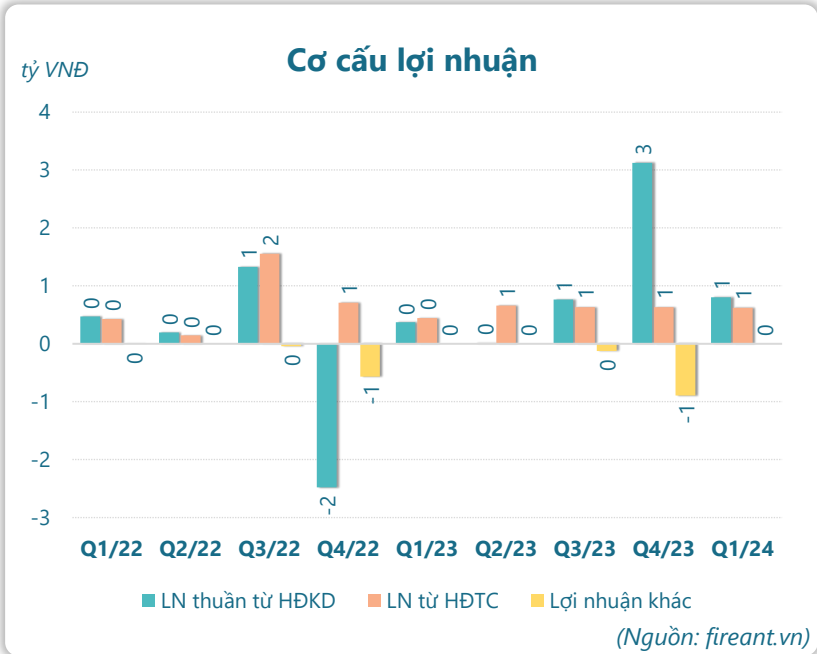
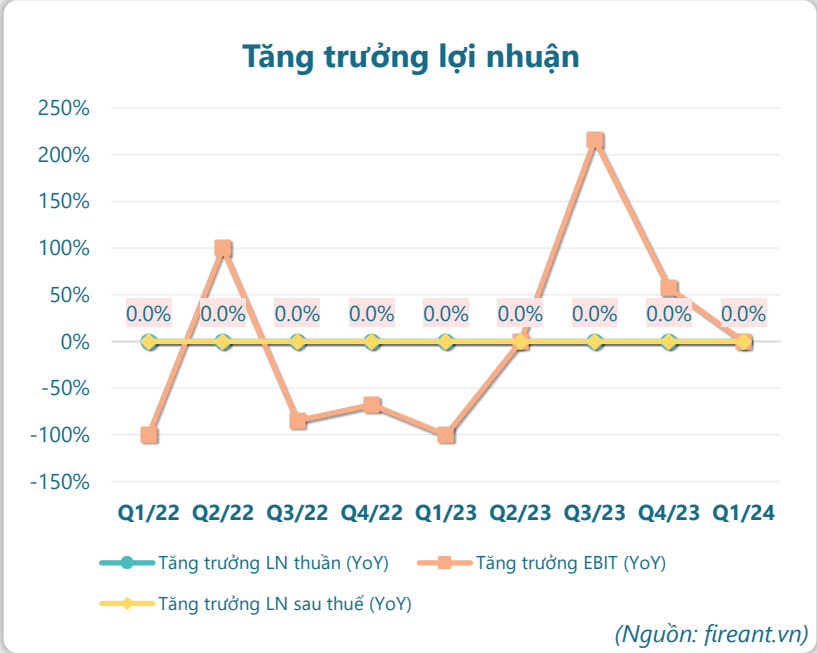
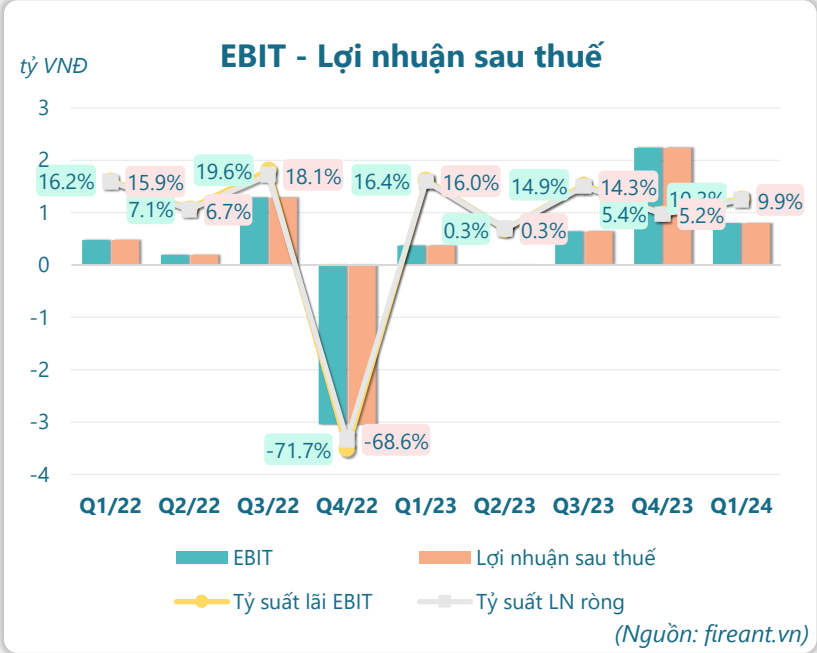
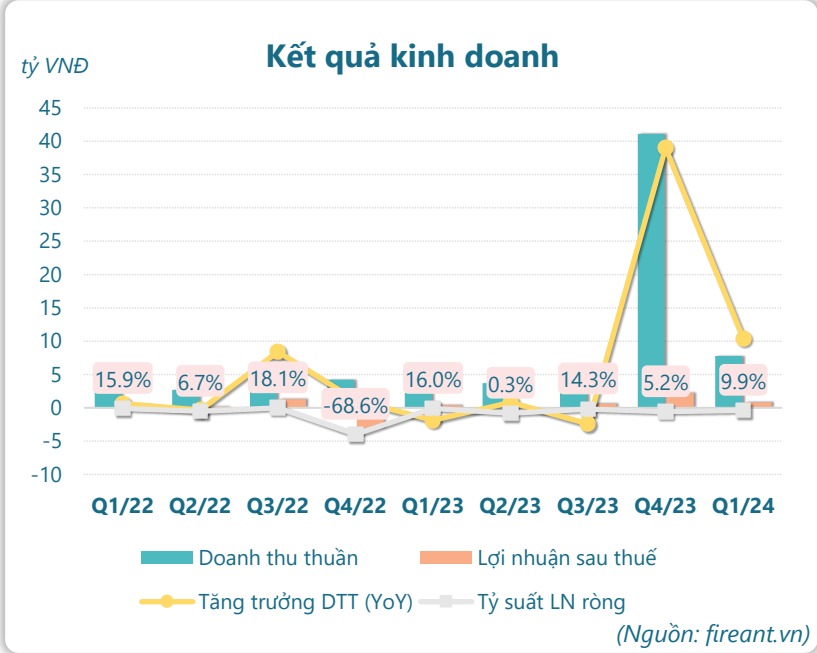
ROE

2023

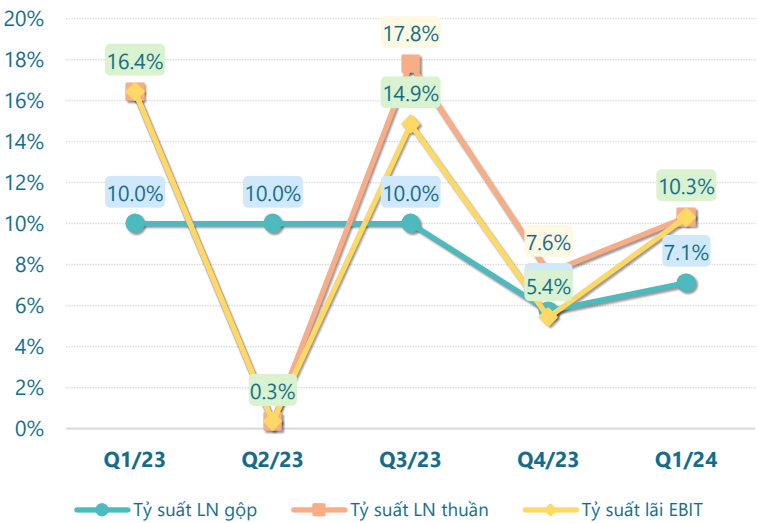
2.6%

+/- YoY: ▲ 62.4%



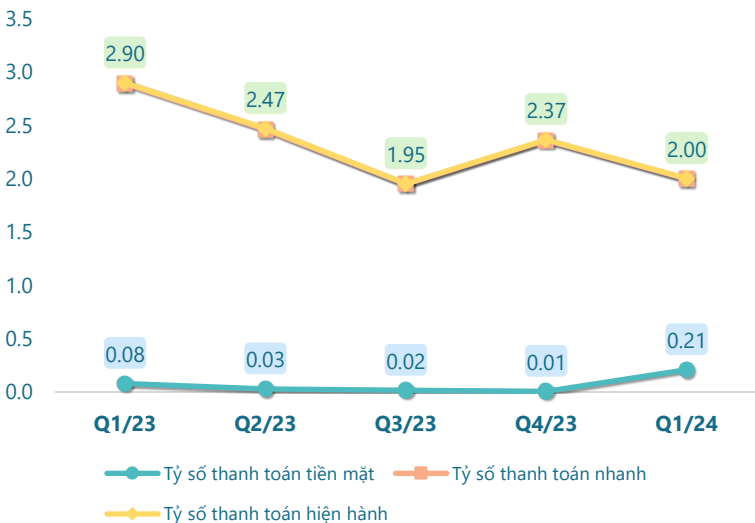


Tỷ suất lợi nhuận



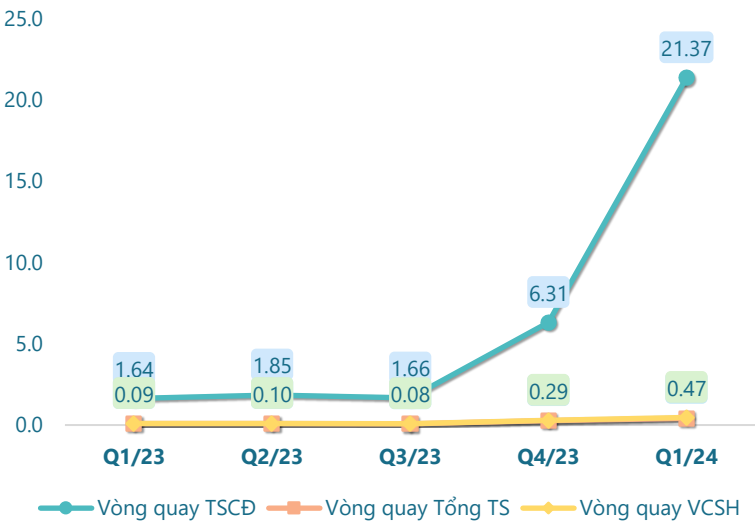
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



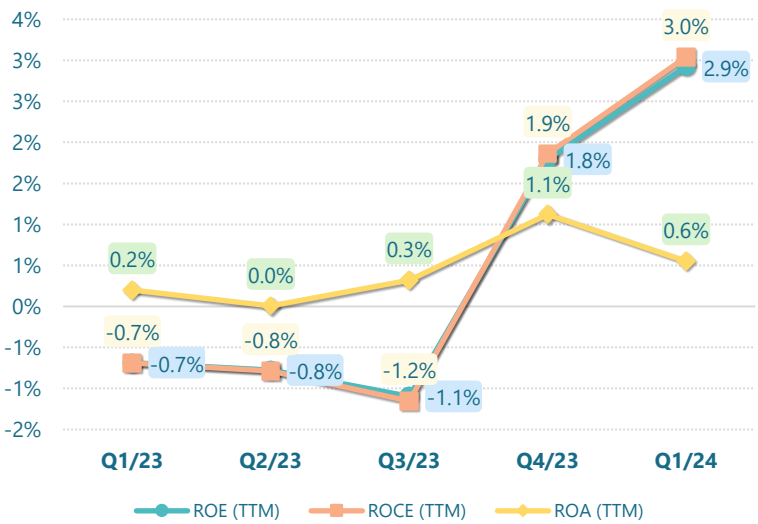
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



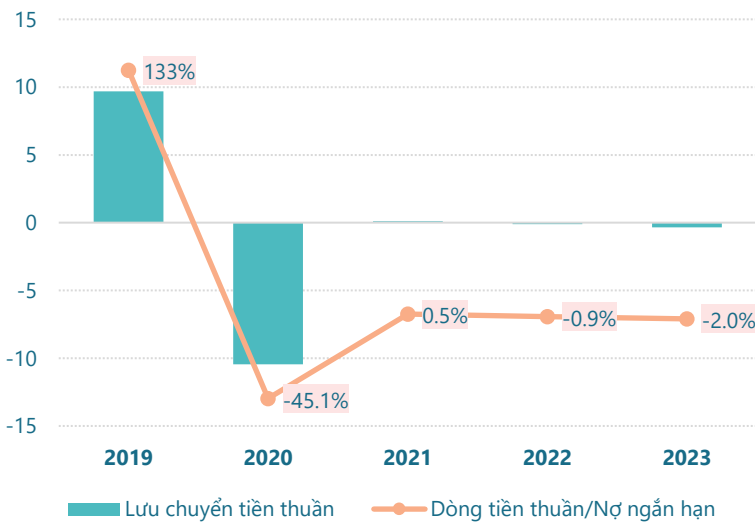
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



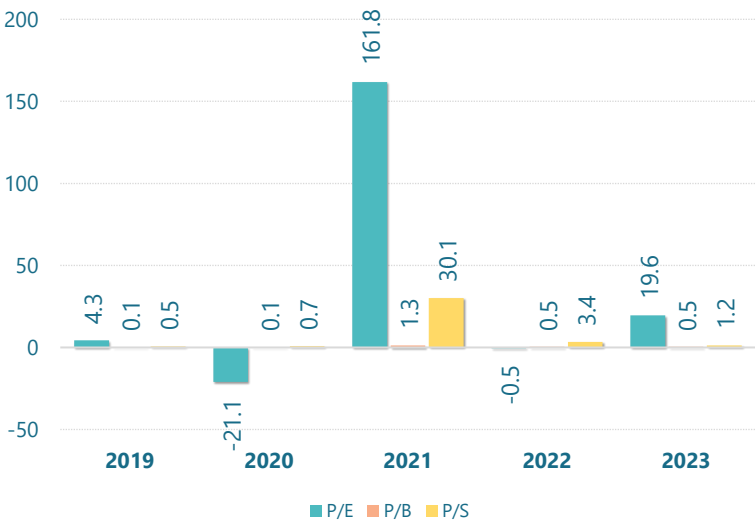
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)